TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 04/2022/KDTM-PT
Ngày 27/9/2022
"V/v yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Anh Tuấn.

Các Thẩm phán: 1. Ông Võ Đình Sớm;

2. Ông Lê Đình Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Liên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai: Ông Hoàng Văn Hạnh- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 26, 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai công khai xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số 05/2022/TLPT-KDTM ngày 22/7/2022 về việc *"Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/KDTM-ST ngày 15/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2022/QĐ-PT ngày 23/8/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH BH; địa chỉ: đường Phù Đổng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn H, chức vụ: giám đốc công ty (Có mặt).

2. Bị đơn: Công ty TNHH MTV Xây lắp và Cơ điện GL; địa chỉ: số B Trường Chinh, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đỗ Thị Nh; địa chỉ: số B Trường Chinh, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai (Theo văn bản ủy quyền ngày 27/12/2021)(Có mặt).

3. Người kháng cáo: Bị đơn Công ty TNHH MTV Xây lắp và Cơ điện GL.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn là ông Trần Văn H trình bày:

Căn cứ Hợp đồng kinh tế số 02/2017/HĐXL/GCC-BH ngày 29/6/2017 giữa Công ty TNHH MTV Xây lắp và Cơ điện GL (sau đây được viết tắt là Công ty Xây lắp và Cơ điện GL) và Công ty TNHH BH (viết tắt là Công ty BH) về việc: "Thi công gói thầu: Khoan phá đá, nổ mìn hố móng công trình thuộc dự án Nhà máy thủy điện Alin Thượng".

Công ty BH đã thi công và hoàn thành khối lượng công việc theo hợp đồng đúng tiến độ, đạt yêu cầu kỹ thuật, công việc của đơn vị đã được các bên nghiệm thu giá trị hoàn thành và xác nhận công nợ vào ngày 28/6/2019, thế nhưng việc thực hiện nghĩa vụ theo công nợ không được Công ty Xây lắp và Cơ điện GL thực hiện đúng cam kết đã ký, cụ thể là từ lúc xác nhận công nợ phải thanh toán đến nay Công ty Xây lắp và Cơ điện GL mới thanh toán cho Công ty chúng tôi 3 lần với tổng số tiền là 2.700.000.000đ (Hai tỷ, bảy trăm triệu đồng); lần cuối cùng thanh toán vào ngày 09/02/2021, kể từ đó cho đến nay chúng tôi đã gửi giấy đề nghị thanh toán nhiều lần, nhưng không nhận được bất cứ phản hồi nào từ Công ty Xây lắp và Cơ điện GL.

Đến nay, Công ty chúng tôi gặp rất nhiều khó khăn vì phải gánh khoản nợ đã vay để thi công công trình nói trên, tiền lãi hàng tháng đã quá sức chịu đựng của doanh nghiệp, đơn vị không còn khả năng tổ chức sản xuất, thực hiện nghĩa vụ thuế nhà nước và trả lương cho người lao động, nguy cơ phá sản đang cận kề.

Vì vậy, Công ty BH yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Pleiku buộc Công ty TNHH MTV Xây lắp và Cơ điện GL thanh toán cho Công ty TNHH BH các khoản tiền sau:

Số tiền gốc chưa thanh toán là: 2.663.679.226 đồng (Hai tỷ, sáu trăm sáu mươi ba triệu, sáu trăm bảy mươi chín nghìn, hai trăm hai mươi sáu đồng) và số tiền lãi tạm tính là 938.051.333đ (Chín trăm ba mươi tám triệu không trăm năm mươi mốt nghìn ba trăm ba mươi ba đồng). Đây là số tiền lãi tạm tính từ ngày 28/7/2019 sau 30 ngày nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành và tính lãi theo tiến độ trả tiền của Công ty Xây lắp và Cơ điện GL.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn đơn là ông Nguyễn Hoài A và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Đỗ Thị Nh trình bày:

Công ty Xây lắp và Cơ điện GLc ó ký hợp đồng kinh tế số 02/2017/HĐXL/GCC-BH ngày 29/6/2017 và ký phụ lục hợp đồng số 04 gói thầu khoan phá đá nổ mìn, hố móng công trình thuộc dự án nhà máy thủy điện Alin Thượng…với tổng giá trị hợp đồng là 11.012.976.456đ với Công ty BH. Ngày 28/6/2019 ký bản tính giá trị để đề nghị thanh quyết toán giá trị là 5.363.679.226 đồng, vì rất thiện chí nên Công ty Xây lắp và Cơ điện GL đã tạm thanh toán cho Công ty BH ba lần với tổng số tiền là 2.700.000.000 đồng, vì lý do Công ty BH không thực hiện đầy đủ như hợp đồng đã ký là không bàn giao cho Công ty Xây lắp và Cơ điện GL các hồ sơ theo mục 6.6 của hợp đồng là: 07 bộ hồ sơ quyết toán công trình trong đó có các giấy tờ: Hồ sơ chất lượng; bản vẽ hoàn công; hộ chiếu nổ mìn; hồ sơ kỹ thuật; nhật ký công trình; Hồ sơ quyết toán; hóa đơn GTGT tương ứng với giá trị quyết toán hoàn thành, mặc dù Công ty Xây lắp và Cơ điện

GL đã nhiều lần nhắc nhở Công ty BH phải hoàn thành hồ sơ nếu không mọi sự chậm trễ do Công ty BH tự chịu trách nhiệm và Công ty BH cũng có xác nhận với Công ty về việc chưa hoàn thành hồ sơ quyết toán, vì vậy, Công ty Xây lắp và Cơ điện GL chưa phát sinh nghĩa vụ thanh toán. Nay Công ty Xây lắp và Cơ điện GL yêu cầu bên Công ty BH thực hiện đúng như hợp đồng đã ký, bàn giao 07 bộ hồ sơ đầy đủ và đảm bảo yêu cầu thì bên Công ty Xây lắp và Cơ điện GL sẽ xem xét và thanh toán cho Công ty BH.

Về số tiền 2.663.679.226 đồng, Công ty khẳng định đây không phải là số tiền nợ gốc mà là khoản tiền Công ty Xây lắp và Cơ điện GL chưa thanh toán cho Công ty BH do Công ty BH chưa đáp ứng đủ điều kiện thanh toán theo quy định tại hợp đồng chứ Công ty chúng tôi hiện nay không phải nợ Công ty BH. Về số tiền lãi Công ty BH yêu cầu số tiền 938.051.333 đồng bên Công ty chúng tôi không chấp nhận vì lý do chưa phát sinh nghĩa vụ thanh toán.

Việc Công ty BH có đề nghị bàn giao cho tôi 05 bộ hồ sơ quản lý chất lượng; 05 bộ hộ chiếu nổ mìn; 15 cuốn nhật ký thi công; 05 hồ sơ quyết toán; 20 bản vẽ hoàn công tổng thể nhưng tôi từ chối nhận vì lý do không đủ thẩm quyền để nhận, đề nghị Công ty BH nộp trực tiếp cho công ty để đảm bảo quyền lợi cho Công ty BH bàn giao và xác nhận.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2022/KDTM-ST ngày 16/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

- Căn cứ Điều 306, Điều 309 Luật Thương mại năm 2005;

- Căn cứ Điều 274; Điều 275; Điều 352 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 91, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 của của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH BH.

Buộc Công ty TNHH MTV Xây lắp và Cơ điện GL phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH BH số tiền: 3.985.827.350đ (Ba tỷ, chín trăm tám mươi lăm triệu, tám trăm hai mươi bảy nghìn, ba trăm năm mươi đồng).

Trong đó tiền gốc là: 2.663.679.226đ (Hai tỷ, sáu trăm sáu mươi ba triệu, sáu trăm bảy mươi chín nghìn, hai trăm hai mươi sáu đồng), tiền lãi là: 1.322.148.124đ (Một tỷ, ba trăm hai mươi hai triệu, một trăm bốn mươi tám nghìn, một trăm hai mươi bốn đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về lãi chậm trả; thông báo quyền yêu cầu, tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án và thời hiệu thi hành án; tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28/6/2022, bị đơn Công ty Xây lắp và Cơ điện GL kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm nêu trên và yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, nguyên đơn giữ nguyên nội dung khởi kiện. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trình tự thủ tục giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm được cơ quan tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm 06/2022/KDTM-ST ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai về phần tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp về kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận. Trong vụ án, cả nguyên đơn và bị đơn đều có đăng ký kinh doanh, đều có mục đích lợi nhuận, nên đây là vụ án kinh doanh thương mại. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bị đơn là Công ty Xây lắp và Cơ điện GL kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm cho rằng nguyên đơn chưa thực hiện đầy đủ điều kiện, thủ tục thanh toán của giai đoạn thanh quyết toán theo quy định tại mục 6.6 của Hợp đồng kinh tế số 02/2017. Công ty BH phải lập hồ sơ quyết toán cho Công ty Xây lắp và Cơ điện GL 07 bộ hồ sơ vì Công ty BH chưa thực hiện nên bên Công ty Xây lắp và Cơ điện GL chưa thanh toán. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy rằng:

[2.1] Tại Điều 6, tiểu mục 6.6 điểm a ghi nội dung: *"Trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của Hợp đồng, bên B sẽ trình cho bên A 07 bộ hồ sơ quyết toán công trình, bao gồm các tài liệu sau..."*. Theo quy định tại điều khoản này thì việc trình 7 bộ hồ sơ quyết toán công trình không phải là điều kiện bắt buộc khi nghĩa vụ thanh toán phát sinh. Mặt khác, theo các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện trước thời điểm nguyên đơn khởi kiện, nguyên đơn đã bàn giao hai lần hồ sơ quyết toán cho bị đơn (bút lục số 144-145), ngày 28/6/2019 bị đơn đã xác nhận số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn là 5.363.679.226 đồng. Sau khi ký xác nhận số tiền phải thanh toán thì Công ty Xây lắp và Cơ điện GL đã thanh toán 03 lần (lần 1: ngày 22/01/2020 là 700.000.000 đồng, lần 2 ngày 03/02/2021 là 1.000.000.000 đồng, lần 3 ngày 08/02/2021 là 1.000.000.000 đồng; tổng cộng 2.700.000.000 đồng) cho Công ty BH. Từ đó có thể thấy rằng sau khi bị đơn xác nhận số tiền phải thanh toán thì đồng thời nghĩa vụ thanh toán cũng phát sinh, điều đó được thể hiện qua 3 lần thanh toán cho nguyên đơn như đã nêu và việc thực hiện nghĩa vụ này phía

nguyên đơn đã thông báo rất nhiều lần cho phía bị đơn biết. Tại Công văn ngày 18/01/2020 Công ty Xây lắp và Cơ điện GL yêu cầu Công ty BH xác nhận số dư đến thời điểm ngày 31/12/2019 có thể hiện số tiền mà Công ty BH phải thu từ Công ty Xây lắp và Cơ điện GL là 5.363.679.226 đồng để bị đơn xác nhận với kiểm toán Nhà nước (Bút lục số 24); số tiền phải thu này phù hợp với xác nhận công nợ vào ngày 28/6/2019 khi các bên ký bảng tính giá trị đề nghị thanh toán (quyết toán) là 5.363.679.226 đồng. Hơn nữa, tại Công văn ngày 06/01/2022 (Bút lục số 143) Công ty Xây lắp và Cơ điện GL yêu cầu Công ty BH xác nhận số dư đến thời điểm ngày 31/12/2021 mà Công ty BH phải thu từ Công ty Xây lắp và Cơ điện GL là 2.663.679.226 đồng.

Trước đó, vào ngày 27/6/2019, giữa Công ty Xây lắp và Cơ điện GL và Công ty BH ký biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành, theo đó, bị đơn xác nhận nội dung kiểm tra: Đạt yêu cầu (Bút lục số 47-48). Do đó, ngoài việc Công ty Xây lắp và Cơ điện GL cho rằng Công ty BH chưa đủ hồ sơ quyết toán thì Công ty Xây lắp và Cơ điện GL không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc Công ty BH đã vi phạm các quy định điều khoản của hợp đồng kinh tế số 02/2017/HĐXL/GCC-BH và ký phụ lục Hợp đồng số 04 gói thầu khoan phá đá, nổ mìn hố móng công trình thuộc dự án Nhà máy thủy điện Alin Thượng. Như vậy, việc bị đơn không đồng ý thanh toán cho nguyên đơn là không có cơ sở, không đúng quy định các điều khoản của hợp đồng mà các bên đã ký kết và Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 2.663.679.226 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Về lãi suất: Bị đơn cho rằng do số tiền còn phải thanh toán chưa phát sinh nên bị đơn không đồng ý trả lãi của số tiền chậm trả. Hội đồng xét xử nhận thấy khi xác lập hợp đồng kinh tế 02/2017 các bên có thỏa thuận về khoản tiền chậm thanh toán tại Điều 13.3 của Hợp đồng, theo đó thì khoản tiền chậm thanh toán được tính trên cơ sở lãi suất vay ngắn hạn của Ngân hàng ứng với số tiền chậm thanh toán và số ngày chậm thanh toán. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ Điều 306 Luật thương mại để tính lãi là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, việc áp dụng mức lãi suất là 9,5%/năm là chưa phù hợp bởi các bên có thỏa thuận khoản tiền lãi chậm thanh toán là lãi vay ngắn hạn của Ngân hàng cho nên khoản lãi chậm thanh toán phải dựa trên sự thỏa thuận của các bên đương sự; đồng thời nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm có tính nhầm về số ngày chậm trả lãi. Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về phần tiền lãi do chậm thanh toán cho phù hợp.

Lãi suất vay ngắn hạn trung bình của ba ngân hàng gồm Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam thì lãi suất vay ngắn hạn trung bình của ba ngân hàng là 8,5%/năm và số ngày chậm thanh toán được tính lại như sau:

Từ ngày 28/7/2019 (sau 30 ngày, kể từ ngày phát sinh nghĩa vụ thanh toán ngày 28/6/2019) đến ngày 22/01/2020 (ngày trả 700.000.000 đồng) là 175 ngày; số

tiền chậm thanh toán trong khoảng thời gian này: 5.363.679.226 đồng x 8,5%/365 ngày x 175 ngày = 218.588.297 đồng.

Từ ngày 23/01/2020 đến 03/02/2021 (ngày trả 1.000.000.000 đồng) là 373 ngày; số tiền chậm thanh toán 4.663.679.226 đồng x 8,5%/365 ngày x 373 ngày = 405.101.232 đồng.

Từ ngày 04/02/2021 đến ngày 08/02/2021 (ngày trả 1.000.000.000 đồng) là 05 ngày; số tiền chậm thanh toán 3.663.679.226 đồng x 8,5%/365 ngày x 05 ngày = 4.265.927 đồng.

Từ ngày 09/02/2021 đến ngày 16/6/2022 (ngày xét xử sơ thẩm) là 492 ngày; số tiền chậm thanh toán 2.663.679.226 đồng x 8,5%/365 ngày x 492 ngày = 305.191.959 đồng.

Tổng cộng tiền lãi chậm thanh toán Công ty Xây lắp và Cơ điện GL phải trả cho Công ty BH là 933.147.415 đồng.

[3] Án phí sơ thẩm và phúc thẩm: Do sửa án kinh doanh thương mại sơ thẩm nên án phí sơ thẩm cũng cần quyết định lại cho đúng với quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; còn phần án phí phúc thẩm Công ty Xây lắp và Cơ điện GL không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 và Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng các Điều 3, 4 và Điều 306 Luật thương mại;

- Áp dụng các Điều 274, 275, 278, 280, 385, 403 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

Sửa Bản án sơ thẩm số 06/2022/KDTM-ST ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai về phần tính lãi và án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể như sau:

1. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Xây lắp và Cơ điện GL phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn BH số tiền 3.596.826.641 đồng (Trong đó số tiền chưa thanh toán 2.663.679.226 đồng và số tiền lãi chậm thanh toán 933.147.415 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17-6-2022) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật;

2. Về án phí sơ thẩm:

Công ty trách nhiệm hữu hạn BH không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; hoàn trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn BH số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 52.017.306 đồng (Năm mươi hai triệu, không trăm mười bảy nghìn, ba trăm lẻ sáu đồng) theo Biên lai số 0001129 ngày 09/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Xây lắp và Cơ điện GL phải chịu 103.936.533 đồng (Một trăm lẻ ba triệu, chín trăm ba mươi sáu nghìn, năm trăm ba mươi ba đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

3. Về án phí phúc thẩm:

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Xây lắp và Cơ điện GL không phải chịu án phí phúc thẩm; hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Xây lắp và Cơ điện GL án phí đã nộp 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001980 ngày 04/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND thành phố Pleiku;
- Chi cục THADS thành phố Pleiku;
- Người TGTT;
- Lưu HSVA, TDS, VT.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Anh Tuấn